

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa.

Bà Lê Thị Thu Lý.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Minh Anh- Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX-ST ngày 18/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Kim L (tức L1), sinh năm 1988.

Trú tại: Tổ 14B, Phố Hai Bà T, Phường Thọ S, Thành phố Việt T, Tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn Trung O, Xã Tiên D, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà L, ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 21/6/2018 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà kết hôn với ông B năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên D. Sau khi kết hôn bà và ông B sinh sống tại thôn Trung O, xã Tiên D, huyện Đ, Hà Nội. Trước khi kết hôn với bà, ông B đã có 01 lần vợ, sau đó ly hôn và có hai con riêng. Ông B đã có nhiều tiền án, nhiều lần phải đi thi hành án tại trại giam. Cuộc sống của vợ chồng bà không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn và không có con chung. Năm 2011, ông B tiếp tục vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù giam về tội đánh bạc. Giữa năm 2012,

bà chuyển về Việt T sống với bố mẹ đẻ, hai vợ chồng đã ly thân nhau hơn 06 năm nay, hai bên không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- *Về con chung*: Bà và ông B không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông nhất trí với phần trình bày của bà L về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn ông và bà L sống tại thôn Trung O, xã Tiên D, huyện Đ, Hà Nội. Trước khi kết hôn với bà L ông đã ly hôn 1 lần và có 02 con riêng. Nguyên nhân mâu thuẫn của ông và bà L là do khi ông đi chấp hành án phạt tù về tháng 3/2012 thì ông phát hiện ra tình cảm của bà L với ông không còn nữa. Ông có hỏi nguyên nhân thì bà L không nói. Bà L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Việt T sống từ giữa năm 2012 cho đến nay. Ông đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin yêu cầu bà L về chung sống nhưng bà L không về. Đến nay ông không chấp nhận bà L là vợ được nữa. Nay bà L xin ly hôn thì quan điểm của ông khi nào bà L giải quyết xong vấn đề liên quan đến tài sản với ông thì ông nhất trí ly hôn.

- *Về con chung*: Ông và bà L không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông yêu cầu bà L phải bàn bạc, thống nhất với ông về vấn đề tài sản chung, nợ chung trước khi ly hôn. Ông đã nhiều lần được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản, nợ và làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nhưng ông không làm.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc xin ly hôn ông B.

- Về con chung: Bà L và ông B không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Dành bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thẩm quyền*: Bị đơn là ông Nguyễn Đăng B có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Trung O, xã Tiên D, huyện Đ, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, Hà Nội.

{2} *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Đăng B vắng mặt tại phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

{3} *Về nội dung*:

{3.1} *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hà Thị Kim L kết hôn với ông Nguyễn Đăng B ngày 10/12/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Tiên D, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ông bà sinh sống tại thôn Trung O, xã Tiên D, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà L xin ly hôn, ông B không đồng ý ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ thì thấy: Trước khi kết hôn với bà L, ông B đã có 01 lần vợ, sau đó ly hôn và có hai con riêng. Ông B đã có nhiều tiền án, nhiều lần phải đi thi hành án tại trại giam. Cuộc sống của vợ chồng bà L, ông B không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn và không có con chung. Bà L đã bỏ về quê Phú Thọ ở từ năm 2012. Mâu thuẫn của hai ông bà đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, ly thân đã nhiều năm. Bản thân ông B có lời khai không chấp nhận bà L là vợ. Như vậy, thực tế hôn nhân của hai ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, ông B đồng ý ly hôn. Sự thuận tình ly hôn của hai ông bà phù hợp pháp luật nên được công nhận.

{3.2} *Về con chung*: Bà L và ông B không có con chung.

{3.3} *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án đã nhiều lần giao bằng văn bản yêu cầu ông B cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung, làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nhưng ông B không thực hiện. Tại phiên tòa, ông B khai ông không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Do đó, dành lại việc chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

{4} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Kim L về việc xin ly hôn ông Nguyễn Đăng B.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị Kim L và ông Nguyễn Đăng B.

2. Về con chung: Bà Hà Thị Kim L và ông Nguyễn Đăng B không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành lại việc chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Hà Thị Kim L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001660 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà L đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm, bà L, ông B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Tiên Dương, H. Đông Anh.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân